| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 3 - 2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 579/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Dương Tấn S, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp ĐT B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Chúc L, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp ĐT B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Anh Dương Tấn S trình bày**:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Chúc L kết hôn năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng đến ngày 01/10/2018 âl chị L nói với gia đình là đi công việc cho đến nay không về. Nay anh không còn tình cảm với chị L nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Dương Trúc T, sinh ngày 04/9/2004 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 23/11/2012 đang sống với anh. Khi ly hôn, anh và chị L tự thỏa thuận về việc nuôi cháu T,không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đ anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Ly cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Anh S yêu cầu được ly hôn với chị L, về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác không yêu cầu tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Tấn S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Chúc L là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của anh S. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2004, anh S và chị L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại UBND xã TD. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh S xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy nhiên vào ngày 01/10/2018 âl chị L nói dối gia đình là đi công việc nhưng đến nay không quay về gia đình. Đối với chị L thì không có ý kiến đối với lời trình bày của anh S. Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị L có những mâu thuẫn xãy ra nên chị L đã bỏ gia đình ra đi, do đó lời trình bày của anh S về việc vợ chồng không có mâu thuẫn là không có căn cứ.

Mặt khác, trong thời gian chị L bỏ gia đình đi thì anh S đã liên lạc để khuyên chị L quay về gia đình, nhưng chị L không đồng ý và cũng không quay về gia đình. Như vậy, chị L đã không thật sự còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh S. Tại phiên tòa anh S xác định hiện anh không còn tình cảm đối với chị L, do đó anh không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với chị L.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh S với chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh S không yêu cầu tòa án giải quyết về các mối quan hệ này, còn chị L thì không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Tấn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Tấn S được ly hôn với chị Nguyễn Chúc L.

2. Về án phí dân sự: Anh Dương Tấn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008849 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Dương Tấn S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Uỷ ban nhân dân xã Tân Duyệt, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**